

TÔNG HỢP
MỤC LỤC CÔNG KHAI, MINH BẠCH

(kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Đắk Hà)

STT	Phụ lục	Nội dung	Cơ quan tham mưu thực hiện	Số lượng nội dung công khai
I	Danh mục công khai, minh bạch chung áp dụng cho các cơ quan, đơn vị			0
1	Phụ lục 1	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động.	Phòng Nội vụ	
2	Phụ lục 2	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về thực hiện việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác	Phòng TC-KH	
3	Phụ lục 3	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	Phòng Nội vụ	
II	Danh mục công khai, minh bạch thuộc ngành, lĩnh vực			0
1	Phụ lục 4	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực Thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng	Thanh tra huyện và Phòng Nội vụ huyện	
2	Phụ lục 5	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tài chính	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
3	Phụ lục 6	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực nội vụ	Phòng Nội vụ huyện	
4	Phụ lục 7	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	phòng Tài nguyên và Môi trường	
5	Phụ lục 7	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	phòng Tài nguyên và Môi trường	
6	Phụ lục 8	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực công thương	Phòng KT-HT	
7	Phụ lục 9	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực xây dựng	Phòng KT-HT	
8	Phụ lục 10	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ	Phòng KT-HT	
10	Phụ lục 11	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực tư pháp	Phòng Tư pháp	
11	Phụ lục 12	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

12	Phụ lục 13	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
13	Phụ lục 14	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch thuộc lĩnh vực dân tộc	Phòng Dân tộc	
III	Danh mục công khai, minh bạch về thủ tục hành chính			14
1	Phụ lục 15	Danh mục các nội dung công khai, minh bạch về thủ tục hành chính		14
		TỔNG CỘNG		14

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Thuộc Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Nội vụ huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
1	<p>1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.</p> <p>2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan, đơn vị.</p> <p>3. Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>4. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đã được kết luận.</p> <p>5. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.</p> <p>6. Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.</p> <p>7. Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đưa ra lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>8. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.</p>	<p>Áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niêm yết tại cơ quan, đơn vị; - Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị; - Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; - Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó; - Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị; - Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị. 	<p>Chậm nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp đặc biệt không quá 05 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành</p>	<p>Niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết</p>	<p>Thủ trưởng cơ quan, đơn vị</p>	<p>Điều 7, Điều 8 Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ</p>

2	Công khai việc thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan đơn vị thực hiện công khai	Điểm b, khoản 1, Điều 17 Luật tiếp cận thông tin năm 2016
---	---	---	---	------------------------	------------------------------------	---

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH VỀ THỰC HIỆN VIỆC BỐ TRÍ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CÔNG, TÀI SẢN CÔNG HOẶC KINH PHÍ HUY ĐỘNG TỪ CÁC NGUỒN HỢP PHÁP KHÁC

(Thuộc Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
1	Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị; tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; kết quả kiểm toán.	<p>Áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Niêm yết tại cơ quan, đơn vị;- Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị;- Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức;- Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó;- Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị;- Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị.	Chậm nhất là 03 ngày làm việc, trường hợp đặc biệt không quá 05 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành	niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị	Khoản 3 Điều 7, Điều 8 Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ

2	Công khai tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (Biểu mẫu công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính)					
2.1	Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày dự toán được phân bổ, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoàn thành việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công	30 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công	Điều 121 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
2.2	Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị	trước ngày 31/01 hàng năm	30 ngày	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công	Điều 122 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ

2.3	Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị		trước ngày 31/01 hàng năm			Điều 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
3	Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	Ban hành sau khi có ý kiến tham gia của tổ chức công đoàn cơ quan và phải được công khai trong toàn cơ quan		Thường xuyên	Thủ trưởng đơn vị	Khoản 9 Điều 3 Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ;
QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN
(Thuộc Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Nội vụ huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
1	Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Luật Phòng, chống tham nhũng 2018	Chọn một trong các hình thức sau: - Niêm yết - Thông báo bằng văn bản; - Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; - Đăng tải trên trang thông tin điện tử.	Ngày ban hành		UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Điều 24,25, 26 Luật Phòng chống tham nhũng 2018
2	Đề án tinh giản biên chế và danh sách đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế		Ngày ban hành		UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Điều 17 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 21/01/2021
3	Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức		Ngày ban hành		UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn	Điều 17, 18, 19 Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020
4	Quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc Tòa án kết luận là bị oan, sai		Chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết luận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực		Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức làm việc	- Đối với cán bộ, công chức: Khoản 4 Điều 39 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ; - Đối với viên chức: Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC THANH TRA;
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Thanh tra huyện và Phòng Nội vụ huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng					
1	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các cấp; người có nghĩa vụ kê khai thuộc phòng, ban, đơn vị trực thuộc cấp huyện; người có nghĩa vụ kê khai thuộc HĐND, UBND cấp xã.	Niên yết tại Trụ sở hoặc công bố tại cuộc họp	Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát TSTN	Niên yết 15 ngày	Các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai TSTN	Điểm b, c, d khoản 1; khoản 2, 3, 4 Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công bố tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm			Người chủ trì cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm	Điều 12 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ
3	Công khai quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát TSTN	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị nơi người bị xử lý kỷ luật thường xuyên làm việc		Niên yết 15 ngày	Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng người bị xử lý kỷ luật	Điều 23 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ

4	Công khai Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.	Trên Trang TTĐT của huyện	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
II Lĩnh vực thanh tra						
1	Kết luận Thanh tra	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị được thanh tra	Công khai toàn văn kết luận chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết luận được ký ban hành	Niên yết 15 ngày	cơ quan, đơn vị được thanh tra	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
2	Thông báo Kết luận thanh tra	Trên Trang TTĐT của huyện	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành thông báo kết luận, kết quả (đối với việc công khai bằng thông báo)	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
3	Công khai Báo cáo công tác thanh tra hành chính định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.	Trên Trang TTĐT của huyện	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
III Lĩnh vực tiếp công dân						

1	Công khai Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.	Trên Trang TTĐT của huyện	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
	Thông tin về việc tiếp công dân: nơi tiếp công dân; thời gian tiếp công dân; lịch tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; thành phần tham dự, dự kiến nội dung tiếp công dân của các buổi tiếp công dân định kỳ	Niên yết tại phòng tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của huyện	Lịch tiếp công dân định kỳ được niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân	Công khai thường xuyên	Thanh tra huyện và Ban tiếp công dân	Khoản 1, 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013
	Nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Niên yết tại địa điểm tiếp công dân	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Thanh tra huyện và Ban tiếp công dân	Điều 19 Luật Tiếp công dân năm 2013
IV	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại					
1	Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai	Niên yết tại Trụ sở hoặc cơ quan, đơn vị nơi công tác của người bị khiếu nại	Công khai toàn văn kết luận chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết luận được ký ban hành	Niên yết 15 ngày	Tổ chức, đơn vị bị khiếu nại hoặc cơ quan, đơn vị nơi công tác của người bị khiếu nại	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh

2	Thông báo Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai	Trên Trang TTĐT của huyện	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành thông báo kết luận, kết quả (đối với việc công khai bằng thông báo)	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
3	Công khai Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo định kỳ hằng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.	Trên Trang TTĐT của huyện	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
V	Lĩnh vực tố cáo					
1	Kết luận nội dung tố cáo	Niên yết tại Trụ sở tổ chức, đơn vị bị tố cáo hoặc cơ quan, đơn vị nơi công tác của người bị tố cáo	Công khai toàn văn kết luận chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết luận được ký ban hành	Niên yết 15 ngày	Tổ chức, đơn vị bị tố cáo hoặc cơ quan, đơn vị nơi công tác của người bị tố cáo	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
2	Thông báo Kết luận nội dung tố cáo	Trên Trang TTĐT của huyện	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành thông báo kết luận, kết quả (đối với việc công khai bằng thông báo)	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh

3	Công khai Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.	Trên Trang TTĐT của huyện	Công khai toàn văn báo cáo, chậm nhất là 05 ngày làm việc; Công khai bằng thông báo, chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành	Công khai trên Trang TTĐT của huyện ít nhất 15 ngày	Người ký ban hành hoặc người thừa ủy quyền ký ban hành	Chương II Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 và Điều 2 Quyết định số 25/2020 ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh
---	---	---------------------------	--	---	--	--

II Lĩnh vực tiếp công dân						
1	Lịch tiếp công dân của lãnh đạo các cơ quan Đảng và Nhà nước ở Địa phương, danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đại diện cùng tham dự buổi tiếp công dân và nội dung tập trung giải quyết tại từng buổi tiếp công dân.	Niên yết tại trụ sở tiếp công dân	Niên yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân	Công khai thường xuyên	Ban tiếp công dân cấp tỉnh, cấp huyện	Khoản 1, 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013
2	Thông tin về việc tiếp công dân: Nơi tiếp công dân; thời gian tiếp công dân; lịch tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị; thành phần tham dự, dự kiến nội dung tiếp công dân của các buổi tiếp công dân định kỳ.	Niên yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị, tại địa điểm tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có).	Lịch tiếp công dân định kỳ được niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân	Công khai thường xuyên	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Khoản 2, 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013

3	Lịch tiếp công dân của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân	Niêm yết tại địa điểm tiếp công dân của Đoàn đại biểu Quốc hội, nơi tiếp công dân của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	Niêm yết chậm nhất là 05 ngày làm việc, trước ngày tiếp công dân	Công khai thường xuyên	Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	Khoản 3, 4, Điều 24 Luật Tiếp công dân năm 2013
4	Nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Niêm yết tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan, đơn vị	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Điều 19 Luật Tiếp công dân năm 2013

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH
(Lĩnh vực quản lý nhà nước của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực quản lý giá và công sản					
1	Công khai tài sản công của Ủy ban nhân dân huyện (Biểu mẫu công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính): - Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao.	Đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện	Trước ngày 15/3 hàng năm	30 ngày	UBND huyện	Điều 121, 122, 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
II	Lĩnh vực Tài chính đầu tư					
1	Công khai tài sản công của Ủy ban nhân dân huyện (Biểu mẫu công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính): - Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao.	Đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện	Trước ngày 15/3 hàng năm	30 ngày	UBND huyện	Điều 121, 122, 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 13/02/2018 của Chính phủ
II	Lĩnh vực Tài chính đầu tư					
1	Công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước	Niên yết công khai tại trụ sở cơ quan và công bố trong hội nghị cơ quan	- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ký văn bản; - Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt		UBND các cấp công khai hoặc giao cho cơ quan tài chính cùng cấp công khai; Các chủ đầu tư thực hiện công khai các nội dung thuộc quyền quản lý	Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính

2	Công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán	thống mạng đấu thầu quốc gia			Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan	Khoản 2 Điều 52 Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 11/11/ 2021
3	Công khai danh sách các dự án do các chủ đầu tư, ban quản lý dự án vi phạm thời gian lập báo cáo quyết toán	Lựa chọn các hình thức: niêm yết, thông báo bằng văn bản; phát hành ấn phẩm; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; công/trang thông tin điện tử; họp báo			Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan	Khoản 3 Điều 52 Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 11/11/2021
III Lĩnh vực Quản lý ngân sách						
1	Công khai ngân sách huyện và ngân sách cấp huyện:					
a	Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố trên trang thông tin điện tử huyện; - Lựa chọn thêm hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; thông báo trên các phương tiện thông tin 	Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện	Ít nhất 30 ngày đối với hình thức công khai thông báo trên thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện	Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai hoặc giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện công khai	Điều 11, 12, 13, 14 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
b	Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện và phân bổ ngân sách cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân quyết định		Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày dự toán ngân sách huyện được Hội đồng nhân dân quyết định			
c	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý (06 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo quý, 06 tháng: chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. - Báo cáo hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện 			

d	quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn		từ ngày quyết toán ngân sách huyện được Hội đồng nhân dân phê chuẩn			
2	Công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã:					
a	Công khai chỉ tiêu, biểu mẫu, thuyết minh làm căn cứ trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã	- Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã; - Thông báo trên hệ thống truyền thanh xã	Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã			
b	Công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân quyết định	- Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã; - Thông báo trên hệ thống truyền thanh xã; - Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn.	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày dự toán ngân sách xã được Hội đồng nhân dân quyết định			
c	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý (06 tháng, năm)	- Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã; - Thông báo trên hệ thống truyền thanh xã	- Báo cáo quý, 06 tháng: chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. - Báo cáo hàng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã	Ít nhất 30 ngày kể từ ngày niêm yết	Ủy ban nhân dân cấp xã	Điều 15, 16, 17, 18 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính

d	Công khai quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn	UBND cấp xã; - Thông báo trên hệ thống truyền thanh xã; - Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn.	Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày quyết toán ngân sách xã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn			
3	Công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách					
a	Công khai dự toán ngân sách	Được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ	Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền giao đầu năm và điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có)			

b	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm)	quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đối với đơn vị có Cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.	hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 6 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hàng năm được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp		Thủ trưởng đơn vị dự toán	Điều 3, 4, 5, 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
4	Công khai quyết toán ngân sách nhà nước		Công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được đơn vị dự toán cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt			
5	Công khai ngân sách đối với tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ					
a	Công khai kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ	Được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ	Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được tổ chức cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền giao đầu năm và điều chỉnh giảm hoặc bổ sung trong năm (nếu có)			

b	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ (quý, 6 tháng, năm)	phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; đối với đơn vị có Cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.	hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước cả năm được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị báo cáo tổ chức cấp trên trực tiếp		Thủ trưởng tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ	Điều 7, 8, 9, 10 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
c	Công khai quyết toán ngân sách nhà nước hỗ trợ		Công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày được tổ chức cấp trên hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt			
IV	Tài chính Quỹ					
1	Công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn gốc từ NSNN: a) Các văn bản về Điều lệ tổ chức và hoạt động; quy trình nghiệp vụ; quy chế tài chính; các điều kiện, tiêu chuẩn, quyền lợi và nghĩa vụ của đối tượng được vay hoặc tài trợ. b) Kế hoạch tài chính hàng năm c) Kết quả hoạt động và tài trợ d) Quyết toán tài chính năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Phát hành các ấn phẩm (báo cáo thường niên, in thành tài liệu); niêm yết bằng văn bản; công bố công khai trong hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức của quỹ	- Điểm a: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày văn bản được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung; - Điểm b: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch tài chính năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Điểm c, d: Chậm nhất là 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.		Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) quỹ	Mục 1 Phần II Thông tư số 19/2005/TT-BTC, ngày 11/3/2005 của Bộ Tài Chính.

2	<p>Các quỹ có nguồn huy động từ các khoản đóng góp của nhân dân, cá nhân và các tổ chức khác:</p> <p>a) Quy chế hoạt động của quỹ, các điều kiện, tiêu chuẩn, quyền lợi và nghĩa vụ của người đóng góp và người được hưởng lợi từ quỹ;</p> <p>b) Mục đích huy động và sử dụng các nguồn thu của quỹ;</p> <p>c) Đối tượng huy động, hình thức huy động và mức huy động của từng đối tượng. Đối với các quỹ có nguồn thu là các khoản đóng góp bắt buộc, công khai thêm các đối tượng thuộc diện miễn giảm cùng với mức miễn giảm cụ thể đối với từng đối tượng;</p> <p>d) Văn bản công bố kết quả huy động;</p> <p>e) Quyết toán năm của quỹ theo từng nội dung thu-chi đã được phê duyệt.</p>	<p>- Niêm yết công khai tại trụ sở quỹ;</p> <p>- Công bố công khai trong các cuộc họp trực tiếp với các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho quỹ.</p>	<p>- Điểm a, b: trước khi huy động đóng góp, vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân.</p> <p>- Điểm c: trước khi thực hiện ít nhất là 30 ngày.</p> <p>- Điểm d, e: chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau.</p>		<p>Giám đốc hoặc người có trách nhiệm quản lý quỹ</p>	<p>Mục 2 Phần II Thông tư số 19/2005/TT-BTC, ngày 11/3/2005 của Bộ Tài Chính.</p>
---	---	---	--	--	---	---

3	<p>của nhân dân để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng tại các xã, thị trấn phải thực hiện công khai:</p> <p>a) Dự toán công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi tiết các nguồn vốn đầu tư cho công trình, trong đó cụ thể nguồn vốn huy động đóng góp của nhân dân, tính chung cho cả công trình và phải tách riêng cho từng hạng mục công trình;</p> <p>b) Kết quả huy động (bao gồm danh sách các đối tượng đóng góp, tài trợ; thời gian, hình thức và mức đóng góp, tài trợ của từng đối tượng);</p> <p>c) Công khai kết quả đấu thầu đối với các công trình (hạng mục công trình) xây dựng cơ bản tổ chức đấu thầu theo quy chế đấu thầu hiện hành;</p> <p>d) Báo cáo tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình;</p> <p>e) Báo cáo quyết toán vốn và sử dụng vốn cho công trình đã được phê duyệt và biện pháp xử lý đối với số thu chưa sử dụng hết hoặc số vốn còn thiếu so</p>	<p>- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, thị trấn;</p> <p>- Công bố công khai trong các cuộc họp trực tiếp với nhân dân trong xã, thị trấn.</p>	<p>hiện ít nhất là 30 ngày.</p> <p>- Điểm b, d, e: công khai hàng năm, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau.</p> <p>- Đối với đấu thầu xây dựng công trình:</p> <p>+ Phương thức đấu thầu, hình thức đấu thầu; phân chia gói thầu (nếu có); tiêu chuẩn cần có của nhà thầu; danh sách Hội đồng xét duyệt thầu: trước 15 ngày so với thời điểm mở thầu;</p> <p>+ Danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu; danh sách các nhà thầu đủ F43 tiêu chuẩn tham gia đấu thầu; các tiêu thức chọn thầu của các vòng đấu thầu: sau khi hoàn thành việc sở tuyển nhà thầu;</p> <p>+ Kết quả chọn thầu:</p>		<p>- Trưởng ban quản lý (hoặc chủ tài khoản) của quỹ công bố công khai các nội dung a, b, d, e;</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng xét thầu công bố công khai những nội dung c</p>	<p>Mục 3 Phần II Thông tư số 19/2005/TT-BTC, ngày 11/3/2005 của Bộ Tài Chính.</p>
V	Về Phí, lệ phí					
1	<p>Công khai tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí</p>	<p>Niêm yết công khai tại địa điểm thu; công khai trên Trang thông tin điện tử</p>		<p>Thường xuyên</p>	<p>Cơ quan, đơn vị thu phí, lệ phí</p>	<p>Khoản 1, Điều 14, Luật phí, lệ phí 2015</p>
VI	Lĩnh vực đầu tư công					

<p>1</p> <p>chức thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;</p> <p>b) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công;</p> <p>c) Nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;</p> <p>d) Kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công;</p> <p>đ) Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư;</p> <p>e) Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án;</p> <p>g) Tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công;</p>	<p>Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng...</p>	<p>Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành</p>	<p>Công khai thường xuyên</p>	<p>Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị</p>	<p>Điều 14 Luật Đầu tư công năm 2019</p>
---	--	--	-------------------------------	--	--

2	<p>đầu tư, quyết định phê duyệt dự án PPP;</p> <p>b) Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>c) Thông tin về nhà đầu tư được lựa chọn, doanh nghiệp dự án PPP;</p> <p>d) Nội dung chính của hợp đồng dự án PPP bao gồm: tổng mức đầu tư; cơ cấu nguồn vốn trong dự án; loại hợp đồng; thời hạn thực hiện dự án; giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; hình thức và địa điểm thu giá, phí (nếu có) và các thông tin cần thiết khác;</p> <p>đ) Giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP trong trường hợp có sử dụng vốn đầu tư công;</p> <p>e) Văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP;</p> <p>g) Cơ sở dữ liệu về nhà đầu tư;</p> <p>h) Thông tin giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP.</p>	Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trang thông tin điện tử	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Thường xuyên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Điều 9 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư
VII Tiếp cận thông tin						
1	<p>- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;</p> <p>- Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định</p>	Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử;...	Trong thời gian văn bản, tài liệu có hiệu lực	Thường xuyên	Các cơ quan, đơn vị	Khoản d, e, h Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin

1	<p>a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển;</p> <p>c) Thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu;</p> <p>d) Danh sách ngắn;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>e) Kết quả mở thầu đối với đấu thầu qua mạng;</p> <p>g) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;</p> <p>h) Văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;</p> <p>i) Danh mục dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án có sử dụng đất;</p> <p>k) Cơ sở dữ liệu về nhà thầu, nhà đầu tư, chuyên gia đấu thầu, giảng viên đấu thầu và cơ sở đào tạo về đấu thầu;</p> <p>l) Thông tin khác có liên quan.</p>	<p>Đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu</p>			<p>Các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	<p>Điều 8 Luật đấu thầu; Điều 7 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014</p>
2	<p>Việc mời tham gia thực hiện gói thầu (nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ)</p>	<p>Niên yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng</p>		<p>30 ngày</p>	<p>Chủ đầu tư</p>	<p>Điều 66 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014</p>

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Nội vụ huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực Tổ chức bộ máy và Xây dựng chính quyền					
1	Thông báo tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập	- Ít nhất 01 lần trên phương tiện thông đại chúng (báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình); - Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử; - Niêm yết	Ngày ban hành	30 ngày	UBND huyện	Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
2	Danh sách đủ điều kiện dự tuyển	- Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử; - Niêm yết			Hội đồng tuyển dụng	Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020; Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
3	Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng	- Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử	10 ngày kể từ ngày có quyết định		UBND huyện	Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020; Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
4	Công khai trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển	Cổng/trang thông tin điện tử	Ngày ban hành		UBND huyện	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ

5	thông báo kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử	10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chấm thi		UBND huyện	Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020
6	Thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng và chức danh công chức cấp xã cần tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển	Đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở	Ngày ban hành	30 ngày	Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức	Khoản 8, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
7	Thông báo danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển	Niem yết công khai tại trụ sở làm việc	Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển	30 ngày	Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức	Khoản 8, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
8	Thông báo kết quả tuyển dụng	Niem yết công khai tại trụ sở làm việc	Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ cấp huyện	30 ngày	Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức	Khoản 10, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
9	Thông báo quyết định hủy kết quả trúng tuyển đối với các trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định	Công báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử của huyện	Ngày ban hành	30 ngày	Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện	Khoản 10, Điều 1 Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ

PHỤ LỤC 7**DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG***(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện tham mưu)*

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Về lĩnh vực đất đai					
1	Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Công khai trên cổng/ trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trụ sở cơ quan	30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt	Trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	UBND cấp huyện	Điều 48 Luật Đất đai 2013
2	Công khai nội dung của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân	- Cấp tỉnh: công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. - Cấp huyện: tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai trên trang thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện.	Kể từ ngày ký văn bản	30 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tổ chức lấy ý kiến	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Khoản 2 Điều 43 Luật Đất đai 2013
4	Công khai báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Công khai trên cổng/trang thông tin điện tử	Kể từ ngày ban hành thông báo	Công khai thường xuyên	Cơ quan có trách nhiệm lấy ý kiến	Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014
5	Công khai các dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; các dự án được gia hạn; các dự án chậm tiến độ sử dụng đất vì lý do bất khả kháng	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trụ sở cơ quan	Kể từ ngày lập biên bản xác định hành vi vi phạm	Công khai thường xuyên	Cơ quan kiểm tra, rà soát	Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014

6	Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất	Tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất	Kể từ ngày họp tổ chức lấy ý kiến	Niêm yết 15 ngày	UBND cấp xã, phường, thị trấn	Khoản 2, 3 Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014
7	Thu hồi, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Công khai trên trang thông tin điện tử	Kể từ ngày ký Quyết định	Thường xuyên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/4/2014
8	Công khai kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở, công trình xây dựng của chủ đầu tư dự án	Công khai trên trang thông tin điện tử	Kể từ ngày ban hành thông báo	Công khai thường xuyên	Cơ quan tổ chức kiểm tra	Khoản 22 Điều 01 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020
II	Lĩnh vực khoáng sản					
1	Công khai danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trụ sở cơ quan	Thời gian 07 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Công khai thường xuyên	Cơ quan quản lý lĩnh vực khoáng sản tại địa phương tham mưu	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016
2	Công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá, kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản hàng năm	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trụ sở cơ quan	Kể từ ngày ký quyết định phê duyệt	Công khai thường xuyên	Cơ quan quản lý lĩnh vực khoáng sản tại địa phương tham mưu	Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012
3	Thông báo công khai về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trụ sở cơ quan	Kể từ ngày ký văn bản	30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

4	Thông báo, đăng tải thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại Trụ sở cơ quan	Kể từ ngày ký văn bản	ít nhất 02 lần, mỗi lần cách nhau 03 (ngày)	cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Điều 18 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012
III	Về lĩnh vực bảo vệ môi trường					
1	Công khai thông tin về quy hoạch bảo vệ môi trường	Công khai trên trang thông tin điện tử	Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành	Công khai thường xuyên	Người ban hành	Khoản 4 Điều 7 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015
2	Báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường	Công khai trên trang thông tin điện tử	Kể từ ngày ký quyết định	Công khai thường xuyên	Người ban hành	Điểm a khoản 1 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014
3	- Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải; - Khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; - Các báo cáo về môi trường; - Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.	Công khai trên trang thông tin điện tử	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Cơ quan quản lý lĩnh vực môi trường tại địa phương	Điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014
4	Kế hoạch quản lý môi trường của dự án trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường	Niêm yết công khai tại UBND xã nơi tham vấn ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Kể từ ngày ký văn bản phê duyệt	Công khai thường xuyên	Người ban hành	Khoản 2 Điều 16 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015
IV	Lĩnh vực đấu giá quyền sử dụng đất					

1	Thông báo công khai về việc lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản	Trên Trang thông tin điện tử của mình và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản (Trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp)	Từ ngày phát hành thông báo	Ít nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Kon Tum (đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ)	Khoản 2 Điều 11 Quy định kèm theo Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 và Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Văn bản số 95/BTP-BTTP ngày 17/3/2020; Điểm 2 Văn bản số 1032/BTP-BTTP ngày 23/3/2020
2	Quy chế đấu giá	Niên yết tại Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn và trong hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá	Từng cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản		Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
3	Niên yết và thông báo công khai việc đấu giá tài sản	Báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản đấu giá và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản (Trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp)	Từ ngày phát hành Niêm yết và Thông báo	Ít nhất 17 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo	Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 35, khoản 1, 3 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
4	Xem tài sản đấu giá	Trực tiếp xem tài sản hoặc mẫu tài sản	Kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến ngày mở cuộc đấu giá	Trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 02 ngày	Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 36 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

3	Niêm yết và thông báo công khai việc đấu giá tài sản	Báo in hoặc báo hình của trung ương hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tài sản đấu giá và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản (Trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp)	Từ ngày phát hành Niêm yết và Thông báo	Ít nhất 17 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo	Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 35, khoản 1, 3 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
4	Xem tài sản đấu giá	Trực tiếp xem tài sản hoặc mẫu tài sản	Kể từ ngày niêm yết việc đấu giá tài sản cho đến ngày mở cuộc đấu giá	Trong khoảng thời gian liên tục ít nhất là 02 ngày	Tổ chức bán đấu giá tài sản được lựa chọn	Điều 36 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
V	Lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					
1	Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Thời gian niêm yết công khai và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là hai mươi (20) ngày, kể từ ngày đưa ra niêm yết	Ít nhất là hai mươi (20) ngày	Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Điểm d Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh
2	Thông báo kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi	Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt		Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng	Điểm a Khoản 6 Điều 5 Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh

3	Thông báo thu hồi đất	Gửi đến từng người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Người ban hành quyết định	Khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai 2013
4	Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc	Công khai tại trụ sở UBND cấp xã, tại địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Người ban hành quyết định	Điểm b khoản 2 Điều 70 Luật Đất đai 2013
5	Quyết định cưỡng chế thu hồi đất	Niem yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi	Kể từ ngày ký văn bản	Công khai thường xuyên	Người ban hành quyết định	Điều 71 Luật Đất đai 2013
6	Dự kiến phương án bố trí tái định cư	Công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi và tại nơi tái định cư trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bố trí tái định cư	Kể từ ngày ký văn bản	Ít nhất là 15 ngày	Người ban hành quyết định	Điều 86 Luật Đất đai 2013

PHỤ LỤC 8
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC CÔNG THƯỜNG
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực Cụm công nghiệp					
1	Phương án phát triển cụm công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử; - Các hình thức khác: Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng; trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch; tổ chức hội nghị, hội thảo; phát hành ấn phẩm 	Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt	Thường xuyên, liên tục;	Ủy ban nhân dân tỉnh	Điều 38, 39, 40 Luật quy hoạch; Điều 5 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ

PHỤ LỤC 9
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC XÂY DỰNG
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng					
1	Giấy phép xây dựng	Trên trang thông tin điện tử của huyện, niêm yết tại trụ sở cơ quan và tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện	Sau khi cấp giấy phép xây dựng	Công khai thường xuyên	Cơ quan cấp giấy phép xây dựng (UBND huyện; Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện)	Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
2	Quyết định thu hồi giấy phép xây dựng	Trên trang thông tin điện tử của huyện, niêm yết tại trụ sở cơ quan và tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện	Sau khi ban hành quyết định	Công khai thường xuyên	Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép xây dựng UBND huyện	Điểm b khoản 2 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
3	Quyết định hủy giấy phép xây dựng	Trên trang thông tin điện tử của huyện, niêm yết tại trụ sở cơ quan và tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện	Sau khi ban hành quyết định	Công khai thường xuyên	Cơ quan có thẩm quyền hủy giấy phép xây dựng UBND huyện	Điểm d khoản 2 Điều 53 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ
II	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng					

1	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Đăng tải trên trang thông tin điện tử; thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng...	Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Công khai thường xuyên	Cơ quan tổ chức lập, cơ quan lập, cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng (UBND huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 13, 14 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và khoản 3 Điều 40 Luật Xây dựng năm 2014; - Khoản 12 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và khoản 3 Điều 53 Luật Quy hoạch đô thị
---	--------------------------------------	--	--	------------------------	---	--

PHỤ LỤC 10

DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực khoa học và công nghệ					
1	Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước	Công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử	31/12 hàng năm	Thường xuyên	Sở Khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ.- Điều 23 Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KHHCN- Văn bản số 298/TTKHHCN ngày 03/7/2015 của Cục Thông tin khoa học và Công nghệ Thông tin.
2	Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Công khai trên Cổng/trang thông tin điện tử	31/12 hàng năm	Thường xuyên	Sở Khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ.- Điều 24 Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KHHCN- Văn bản số 298/TTKHHCN ngày 03/7/2015 của Cục Thông tin khoa học và Công nghệ Thông tin.

3	Thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Công khai trên Cổng/ Trang thông tin điện tử	31/12 hàng năm	Thường xuyên	Sở Khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ.- Khoản 1, Điều 25 Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ KHHCN- Văn bản số 298/TTKHHCN ngày 03/7/2015 của Cục Thông tin khoa học và Công nghệ Thông tin.
---	---	--	----------------	--------------	--------------------------	---

PHỤ LỤC 11
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC TƯ PHÁP
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Tư pháp huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực Hộ tịch					
1	đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại trụ sở UBND huyện và UBND xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con	Kể từ ngày ra thông báo	07 ngày liên tục	Phòng Tư pháp	Khoản 2 Điều 44 Luật hộ tịch năm 2016
2	đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Niêm yết tại trụ sở UBND huyện và UBND xã nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con	Kể từ ngày ra thông báo	7 ngày liên tục	Phòng Tư pháp	Khoản 2 Điều 44 Luật hộ tịch năm 2017
II	Lĩnh vực xây dựng văn bản QPPL					
1	Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định	- Công/trang thông tin điện tử; phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo; niêm yết		Thường xuyên	Các cơ quan, đơn vị	Điểm a, c Khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

2	Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện,	niêm yết công khai và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương	- Gửi văn bản đến cơ quan Công báo trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành. - Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 07 ngày		Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Khoản 2, 4 Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015
3	Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã	Niêm yết và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương	Thời gian và địa điểm niêm yết công khai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.		Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Khoản 3, 4 Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015
III Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính						
1	Việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính	Trên các phương tiện thông tin đại chúng	kể từ ngày ra quyết định xử phạt		Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đã ra quyết định xử phạt	Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; Điều 18 NBĐ 118/2021/ND-CP, ngày 23/12/2021
2	Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quá thời hạn tạm giữ nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng hoặc trường hợp không xác định được người vi phạm	Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền tạm giữ		Trong thời hạn 30 ngày	Người ra quyết định tạm giữ	Khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính

IV	Về trách nhiệm Bồi thường của nhà nước					
1	Việc phục hồi danh dự	Trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai tại nơi cư trú trong trường hợp người bị thiệt hại là cá nhân hoặc tại nơi đặt trụ sở trong trường hợp người bị thiệt hại là pháp nhân thương mại; Đăng báo xin lỗi và cải chính công khai	Quy định tại Điều 57, 58, 59 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; Điều 22, 23, 25 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ		Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Điều 56, 57, 58, 59 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; Điều 22, 23, 25 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ
V	Về tiếp cận thông tin					
2	Công khai phí, lệ phí trong lĩnh vực công chứng; chứng thực; đấu giá tài sản;...	Niên yết công khai tại địa điểm thu phí, lệ phí; Trang Thông tin điện tử	Trong thời gian văn bản có hiệu lực	Thường xuyên	Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp có thu phí, lệ phí	Điều 14 Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

PHỤ LỤC 11
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực Thủy lợi					
1	Công bố công khai quy hoạch thủy lợi	Công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh	Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có Quyết định phê duyệt Quy hoạch	Trong suốt thời kỳ quy hoạch	UBND tỉnh	Điểm a, khoản 3, Điều 14 Luật Thủy lợi
2						
II	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y					
1	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn	Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan	Sau khi cấp thẩm quyền ban hành Quyết định công bố dịch bệnh động vật, thủy sản.	Thời gian công khai cho đến khi có Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.	- Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố dịch nếu dịch bệnh xảy ra trong phạm vi huyện;	Điều 26, Luật Thú y

2	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn	Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan	Sau khi cấp thẩm quyền ban hành Quyết định công bố hết dịch bệnh	<ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn quy định đối với từng bệnh, kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng chết, bị tiêu huỷ, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố.- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật mắc cảm với bệnh dịch động vật trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp;- Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và được cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên thẩm định, công nhận.	- UBND cấp huyện công bố hết dịch nếu dịch bệnh xảy ra trong phạm vi huyện;	Điều 31, Luật Thú y
---	---	---	--	---	---	---------------------

PHỤ LỤC 19
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Đối với cơ sở giáo dục mầm non					
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế <i>(Biểu mẫu 01,02)</i>	Niên yết công khai hoặc công bố tại cuộc họp hoặc đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niên yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, b,c,d, Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục <i>(Biểu mẫu 03,04)</i>	Niên yết công khai hoặc công bố tại cuộc họp hoặc đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niên yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, b, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017

3	Công khai thu chi tài chính	Niên yết công khai hoặc công bố tại cuộc họp hoặc đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niên yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, b, c, d, đ, Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017
II Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt						
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (<i>Biểu mẫu 09, 10</i>)	Niên yết công khai hoặc công bố tại cuộc họp hoặc đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niên yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (<i>Biểu mẫu 07, 08, 11, 12</i>)	Niên yết công khai hoặc công bố tại cuộc họp hoặc đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niên yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, b, Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017

3	Công khai thu chi tài chính	Niên yết công khai hoặc công bố tại cuộc họp hoặc đưa lên trang thông tin điện tử của đơn vị	Tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan	Niên yết ít nhất 30 ngày	Cơ sở giáo dục	Điểm a, b, c, Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017
---	-----------------------------	--	--	--------------------------	----------------	--

Ghi chú

*Riêng
Điểm b
phổ biến
hoặc
phát tài
liệu
công
khai
thêm
trong
cuộc
họp phụ
huynh*

*Riêng
Điểm b
phổ biến
hoặc
phát tài
liệu
công
khai
thêm
trong
cuộc
họp phụ
huynh*

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH THUỘC LĨNH VỰC LĨNH VỰC DÂN TỘC
(Lĩnh vực quản lý nhà nước do Phòng dân tộc huyện tham mưu)

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
I	Lĩnh vực thủ tục lĩnh vực dân tộc					
1.1	Thủ tục công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Niên yết tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
1.2	Thủ tục đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	Niên yết tại cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ

PHỤ LỤC 22
DANH MỤC CÁC NỘI DUNG CÔNG KHAI, MINH BẠCH
VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Lĩnh vực, nội dung công khai	Hình thức công khai	Thời điểm công khai	Thời hạn công khai	Trách nhiệm thực hiện công khai	Điều, khoản, điểm của văn bản quy định
1	Thanh tra huyện					
1.1	Các thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Thanh tra (<i>lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>)	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
1.2	Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
2	Phòng Dân tộc huyện					
	Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Dân tộc	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
3	Phòng Nội vụ huyện					

	Thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
4	Phòng Tư pháp huyện					
	Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, cấp xã	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện					
5.2	Các thủ tục hành chính ngành tài chính (lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp; Tin học - Thống kê; quản lý giá; quản lý công sản; tài chính ngân hàng)	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
7	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện					
	Các thủ tục hành chính ngành công thương; trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị; quy hoạch	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ

8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện					
	Công khai thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
9	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện					
	Thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở, phát triển đô thị	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện					
	Thủ tục hành chính ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
11	Phòng Lao động - TB&XH					
	Thủ tục hành chính ngành Lao động – Thương binh và Xã hội	Niêm yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
12	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện					

	Các thủ tục hành chính trong ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
13	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện					
	Thủ tục hành chính ngành giáo dục và đào tạo	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ
	Phòng Nội vụ huyện					
14	Thủ tục hành chính ngành nội vụ	Niên yết tại Trụ sở cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Bắt đầu từ ngày quyết định công bố có hiệu lực thi hành	Công khai thường xuyên	Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC	Điều 16, 17 Nghị định số 10272/VBHN-VPCP ngày 27/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Chương III Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ